

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-01-2024

V/v: Ly hôn, tranh chồnggáp con
chồnggung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU S, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và ông Lê Hữu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu S tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu S mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chồnggáp con chồnggung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm 10, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Lê Văn S, sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm 10, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa, có mặt: Chị H, anh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 20 tháng 9 năm 2023, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Lê Văn S đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 9 năm 2015 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồnggung chị chồnggung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 5 năm, đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, ghen tuông vô cớ. Anh S đi làm nhưng không đưa tiền nuôi con ăn học, còn hay chồnggửi bới, đánh đập, ghen tuông vô cớ, cấm chị không được về nhà ngoại. Mỗi lần chị về thăm bà ngoại là anh S không chồnggửi chị vào nhà, khóa cửa bắt chị ngủ ngoài hè. Vợ chồng tuy ở cùng nhà nhưng không còn tình cảm với nhau. Ngày 01/01/2024, anh S đánh chị, lấy xe và lấy điện thoại của chị. Anh S và bố mẹ anh S bắt chị đóng tiền thuê quỹ ruộng đất nhà ở. Chị làm công nhân, lương không đủ chồnggửi tiêu trong gia đình và nuôi con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và xô xát. Anh S nói chị có người đàn ông khác tên là H là không

đúng, chị không quen biết ai tên là H. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không thể sống được với nhau. Từ 01/01/2024 chồng đến nay vợ chồng sống ly thân. Vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Anh S mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng từ khi chị nộp đơn đến Tòa án, anh S không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng, vẫn chồng gửi bới, ghen tuông, đánh chị nên chị không thể tiếp tục chồng chung sống với anh S được nữa. Chị không đồng ý đoàn tụ vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích chồng hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết chồng chị được ly hôn anh S.

Về con chồng chung: Vợ chồng có 2 con chồng chung là Lê Việt A, sinh ngày 15/12/2015 và Lê Duy K, sinh ngày 20/12/2017. Các chồng cháu ở với vợ chồng chị. Từ ngày 01/01/2024, chị thuê ở riêng thì các chồng cháu sống cùng anh S và ông bà nội. Các chồng cháu khỏe mạnh, ngoan ngoãn, phát triển bình thường, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Trong đơn khởi kiện, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi chồng cháu Lê Duy K và giao chồng cháu Lê Việt A chồng anh Lê Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Nhưng do hiện nay chị đang phải thuê nhà, nơi ở chồng chưa ổn định nên chị nhường quyền nuôi cả hai con chồng anh S, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi chồng cháu 1.000.000đ/tháng, cả hai chồng cháu 2.000.000đ/tháng. Hiện tại chị đang đi làm công nhân chồng công ty giấy ADIANA tại xã T, huyện T, mức thu nhập bình quân là 5.000.000đ/ tháng. Chị có thu nhập thấp nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con một lần như yêu cầu của anh S, chị chồng chỉ có khả năng cấp dưỡng hàng tháng chồng các con.

Về tài sản chồng chung và nợ chồng chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 09/ 11/2023 và các văn bản tố tụng, bị đơn là anh Lê Văn S trình bày và đề nghị: Anh và chị Phạm Thị H đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 9 năm 2015 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Anh bị tai nạn giao thông, vợ không quan tâm, chồng ốm yếu. Anh không đưa tiền chồng chị H nuôi con vì anh dành dụm để sửa nhà. Chị H có người đàn ông khác tên là Lê Hân nhưng anh không biết địa chồng của anh H, cũng không có bằng chồng chứng chồng chứng minh mối quan hệ của chị H với anh Hân mà chồng nghe người khác nói lại. Ngày 01/01/2024, chị H dọn ra ngoài ở chồng đến nay. Anh vẫn còn tình cảm với chị H, mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chồng chung. Chị H xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn. Anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chồng chung: Vợ chồng có 2 con chồng chung là Lê Việt A, sinh ngày 15/12/2015 và Lê Duy K, sinh ngày 20/12/2017. Hiện nay, các chồng cháu đang sống cùng anh và ông bà nội. Các cháu khỏe mạnh, ngoan ngoãn, phát triển bình thường, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành.

Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 chồng cháu Việt A và Duy K. Anh yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chồng chung mỗi

tháng 1.000.000đ, cả hai con 2.000.000đ/tháng nhưng phải đóng một lần chồng và cả hai chồng gấu tính đến khi các con đủ 18 tuổi.

Hiện tại anh đang đi làm công nhân tại công ty giấy ADIANA tại xã Thọ Dân, huyện Triệu S, mức thu nhập bình quân là 6.500.000đ/ tháng. Anh hoàn toàn đủ điều kiện để nuôi con. Bố mẹ anh đang còn khỏe, lâu nay ông bà vẫn giúp đỡ anh đưa đón các chồng gấu đi học.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Biên bản xác minh ngày 03 tháng 01 năm 2024, đại diện chính quyền UBND xã T, huyện T cung cấp: Chị Phạm Thị H và anh Lê Văn S đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 9 năm 2015 tại UBND xã T. Nguyên nhân vợ chồng anh S mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã và sống đã ly thân. Chị H và anh S có 02 con chung là cháu Lê Việt A, sinh ngày 15/12/2015 và Lê Duy K, sinh ngày 20/12/2017, các chồng gấu đang ở với anh S. Chị H và anh S có sức khỏe, có khả năng lao động để tạo ra thu nhập, chấp hành tốt pháp luật và có điều kiện nuôi con.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ vụ án chồng đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51,56,81,82,83 LHNGĐ: Xử chồng chị Phạm Thị H được ly hôn anh Lê Văn S. Về con chồng: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cả hai chồng gấu Lê Việt A, sinh ngày 15/12/2015 và Lê Duy K, sinh ngày 20/12/2017 cho anh S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị H cấp dưỡng nuôi con chồng mỗi chồng gấu 1.000.000đ/tháng, cả hai cháu 2.000.000đ/tháng. Tài sản và công nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xét. Chị H phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị H khởi kiện xin ly hôn anh S cư trú tại xã Thọ Dân, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu S theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Lê Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10 tháng 9 năm 2015 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, hay xảy ra xô xát. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Tại phiên tòa, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh S mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chồng gấu tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình,

HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Lê Văn S.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là chồnggáu Lê Việt A, sinh ngày 15/12/2015 và Lê Duy K, sinh ngày 20/12/2017.

Chị H và anh S đều thống nhất thỏa thuận: Anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Việt A, sinh ngày 15/12/2015 và Lê Duy K, sinh ngày 20/12/2017. Chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, cả hai con 2.000.000đ/tháng. Xét anh S có sức khỏe, có nơi ở và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Cháu Lê Việt A cũng có nguyện vọng ở với bố. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX công nhận, giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Việt A và Lê Duy K.

Anh S yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con một lần, mỗi cháu 1.500.000đ/tháng, cả hai con 3.000.000đ/tháng từ tháng 01/2024 đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị H không đồng ý theo yêu cầu cấp dưỡng của anh S do chị không có tiền để cấp dưỡng một lần và chồnggỉ có khả năng cấp dưỡng hàng tháng ở mức mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, cả hai con 2.000.000đ/tháng từ tháng 01/2024. Xét chị H làm công nhân, mức lương thấp, đang phải thuê nhà nên không có khả năng cấp dưỡng một lần. Vì vậy, không có cơ sở để buộc chị H cấp dưỡng một lần như yêu cầu của anh S, mà chị H sẽ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, cả hai cháu 2.000.000đ/tháng.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong quá trình nuôi dưỡng, trường hợp anh S không còn đủ điều kiện nuôi con, thì chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử chồngg cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Lê Văn S.

2. Về con chồnggung: Chị H và anh S có 02 con chung: Lê Việt A, sinh ngày 15/12/2015 và Lê Duy K, sinh ngày 20/12/2017.

Giao cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Việt A, Lê Duy K. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi chồnggáu 1.000.000đ/tháng, cả

hai cháu 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 01/2024 chồng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chồngung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chồngung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2023/0002655 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị H còn phải nộp 300.000đ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu S;
- Chôngi cục THA. Triệu S;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHÔNGỬ TỌA PHIÊN TỌA**

Lê Thị Thu

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ... phút, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và ông Lê Hữu Thủy

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 254/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chồng gấp nuôi con, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1988

Địa chỉ : Xóm 10, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn S, sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm 10, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa, có mặt: Chị H, anh S.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU⁽⁹⁾**

1. Về điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về hôn nhân: Xử chồng chị Phạm Thị H được ly hôn anh Lê Văn S.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về con chồng: Chị H và anh S có 02 con chồng: Lê Việt A, sinh ngày 15/12/2015 và Lê Duy K, sinh ngày 20/12/2017. Giao chồng anh S trực tiếp chồng sóc, nuôi dưỡng chồng cháu Lê Việt A, Lê Duy K. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chồng mỗi chồng cháu 1.000.000đ/tháng, cả hai chồng cháu 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 01/2024 chồng đến khi các chồng cháu đủ 18 tuổi.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chồngung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chồngăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

5. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chồngung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2023/000265 ngày 13/10/2023 của Chôngi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu S. Chị H còn phải nộp 300.000đ.

Kết quả biểu quyết: 3/3

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Biên bản nghị án đã được đọc lại chồngng tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHÔNGỬ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Bá Long

Lê Hữu Thủy

Lê Thị Thu

